



fān qié
番茄

Noun · tomato

Example Sentences

wǒ xǐ huan zài shā lā lǐ jiā fān qié
我喜 欢 在 沙 拉 里 加 番 茄。

I like to add tomatoes to my salad.

zhè dào cài xū yào liǎng gè xīn xiān de fān qié
这 道 菜 需 要 两 个 新 鲜 的 番 茄。

This dish requires two fresh tomatoes.

fān qié chǎo dàn shì wǒ de ná shǒu cài
番 茄 炒 蛋 是 我 的 拿 手 菜。

Scrambled eggs with tomatoes is my specialty.

Trace each character, then write the word on your own.

番	番	番	番	番	番	番	番	番	番	番
茄	茄	茄	茄							
茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄